

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Số 15 Đường số 2, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

ĐT : 02838650921

Fax : 02838655930

Website: vanphongdamsenpark.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		522 047 115 567	891 171 665 992
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13 713 894 654	11 183 069 825
1. Tiền	111		9 713 894 654	6 983 069 825
2. Các khoản tương đương tiền	112		4 000 000 000	4 200 000 000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	469 095 000 000	821 408 088 730
1. Chứng khoán kinh doanh	121			42 347 095 125
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		469 095 000 000	779 060 993 605
- Tiền gửi có kỳ hạn			469 095 000 000	779 060 000 000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn				993 605
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33 073 454 780	52 709 283 200
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1 830 230 555	595 632 501
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4 074 287 484	1 561 225 591
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	27 168 936 741	50 552 425 108
IV- Hàng tồn kho	140	V.7	2 848 171 749	4 283 874 094
1. Hàng tồn kho	141		2 848 171 749	4 283 874 094
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3 316 594 384	1 587 350 143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3 316 594 384	1 587 350 143
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1 015 129 409 123	603 230 758 344
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		5 350 656 948	5 850 656 948
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		240 000 000	240 000 000
6. Phải thu dài hạn khác	216		12 150 656 948	12 650 656 948
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(7 040 000 000)	(7 040 000 000)
II- Tài sản cố định	220		179 206 243 496	188 533 127 829
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	179 112 951 308	188 381 002 131
- Nguyên giá	222		458 008 109 170	424 745 289 516
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(278 895 157 862)	(236 364 287 385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	93 292 188	152 125 698
- Nguyên giá	228		29 530 636 215	29 530 636 215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29 437 344 027)	(29 378 510 517)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5 975 923 597	9 489 967 010
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5 975 923 597	9 489 967 010
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		713 113 017 683	274 443 017 683
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252		253 277 125 000	253 277 125 000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21 165 892 683	21 165 892 683
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		438 670 000 000	
VI- Tài sản dài hạn khác	260		111 483 567 399	124 913 988 874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	111 483 567 399	124 913 988 874
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1 537 176 524 690	1 494 402 424 336
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		214 745 763 985	233 021 401 280
I- Nợ ngắn hạn	310		213 566 875 985	231 744 321 280
1. Phải trả cho người bán	311	V.12	7 539 004 089	11 945 128 105

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7 563 000 615	14 664 257 434
4. Phải trả người lao động	314		3 985 198 777	7 065 284 591
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6 930 861 702	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	317 151 496	507 877 869
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	186 818 646 687	197 561 773 281
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		413 012 619	
II- Nợ dài hạn	330		1 178 888 000	1 277 080 000
7. Phải trả dài hạn khác	337		1 178 888 000	1 277 080 000
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1 322 430 760 705	1 261 381 023 056
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1 322 430 760 705	1 261 381 023 056
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1 186 840 000 000	1 186 840 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		1 186 840 000 000	1 186 840 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69 686 924 280	69 686 924 280
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65 903 836 425	4 854 098 776
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		4 368 688 898	
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421		61 535 147 527	4 854 098 776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1 537 176 524 690	1 494 402 424 336

Người lập biểu

Trương Thị Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyễn

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2017



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Quốc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN DV DL PHÚ THỌ

Địa chỉ : 15 Đường số 2, CX Lữ Gia, F.15, Q.11, TP.HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2017 Đến ngày 30/09/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	83 113 256 479	80 214 410 835	283 256 275 744	276 412 900 730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		83 113 256 479	80 214 410 835	283 256 275 744	276 412 900 730
4. Giá vốn hàng bán		V.18	58 513 406 818	77 362 818 575	228 126 005 496	234 408 964 519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24 599 849 661	2 851 592 260	55 130 270 248	42 003 936 211
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	16 293 265 405	672 491 577	51 973 281 104	110 821 283 148
7. Chi phí tài chính	22	V.20	1 000	345 363 928	86 360 455	8 366 612 282
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			342 738 889	8 932 458	342 738 889
8. Chi phí bán hàng	24	V.21	1 602 140 765	3 270 303 172	9 517 313 701	10 284 157 056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.22	7 325 908 873	7 937 880 112	22 069 420 947	25 615 895 124
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		31 965 064 428	(8 029 463 375)	75 430 456 249	108 558 554 897
11. Thu nhập khác	31	V.23	418 263 174	617 727 868	1 195 029 943	1 727 131 607
12. Chi phí khác	32	V.24	463 115 499	2 264 636 705	1 016 963 405	3 046 667 495
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(44 852 325)	(1 646 908 837)	178 066 538	(1 319 535 888)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31 920 212 103	(9 676 372 212)	75 608 522 787	107 239 019 009
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.25	6 384 042 421		14 073 375 260	23 294 334 775
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25 536 169 682	(9 676 372 212)	61 535 147 527	83 944 684 234
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.26			518	

Người lập biểu

Trương Thị Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyễn



Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc

Nguyễn Quốc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/09/2017

Chỉ tiêu	Mã	Số kỳ này	Số kỳ trước
1. Tiền thu từ bán hàng	01	326 583 738 572	302 770 466 038
+ Bán hàng hóa, thành phẩm	011	5 544 664	2 694 704
+ Cung cấp dịch vụ	012	307 250 383 713	282 146 350 110
+ Thu phí phục vụ	013	70 329 230	95 298 758
+ Thu tiền nợ phải thu có liên quan đến sxkd	016	17 795 946 965	18 172 210 420
+ Tiền ứng trước của người mua hàng, cung cấp DV	017	1 461 534 000	2 353 912 046
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02	(181 706 327 530)	(282 716 954 051)
+ Tiền trả cho người cung cấp hàng hóa, DV		(181 706 327 530)	(282 716 954 051)
3. Tiền chi trả cho người lao động	05	(54 200 592 226)	(113 748 104 721)
+ Tiền lương, tiền công		(41 143 707 391)	(40 698 318 939)
+ Tiền chi từ phí phục vụ			(5 071 146 588)
+ Tiền khen thưởng từ quỹ khen thưởng		(24 728 002)	(57 965 663 692)
+ Tiền chi BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN		(10 390 413 429)	(7 824 593 555)
+ Tiền ăn giữa ca		(217 322 164)	(171 692 886)
+ Chi khác cho người lao động		(2 424 421 240)	(2 016 689 061)
4. Tiền chi trả lãi vay		(8 932 458)	
+ Chi tiền lãi vay		(8 932 458)	
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	06	(22 394 170 042)	(15 966 575 206)
+ Tiền thuế phát sinh trong kỳ và nộp trong kỳ		(22 394 170 042)	(15 966 575 206)
6. Tiền thu khác từ HĐKD		79 782 313 023	459 884 297 688
+ Tiền thu do nhận ký quỹ, ký cược		668 808 000	
+ Tiền thu hồi các khoản đưa đi ký quỹ, ký cược		500 000 000	
+ Tiền được các tổ chức, cá nhân thưởng --> tặng quỹ DN		6 660 000	10 490 000
+ Các khoản thu khác từ HĐKD		78 606 845 023	459 873 807 688
7. Tiền chi khác cho HĐKD		(51 664 547 509)	(71 733 751 467)
+ Tiền chi đưa đi ký cược, ký quỹ		(409 384 000)	(112 200 000)
+ Các khoản chi khác từ HĐKD		(51 255 163 509)	(71 621 551 467)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TU HOẠT ĐỘNG SXKD	20	96 391 481 830	278 489 378 281
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn		(15 699 365 652)	(7 442 514 743)
+ Tiền chi mua sắm TSCĐ		(3 993 331 756)	(1 059 943 636)

Chỉ tiêu	Mã	Số kỳ này	Số kỳ trước
+ Tiền chi từ đầu tư XDCB dở dang		(11 706 033 896)	(6 382 571 107)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1150 767 356 400)	(875 060 000 000)
+ Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24	(1150 767 356 400)	(875 060 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		1065 821 149 698	181 237 766 000
+ Thu hồi các khoản cho vay		1065 821 149 698	181 237 766 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6 784 882 082	4 853 321 141
+ Thu lãi tiền gửi		1 111 474 482	1 736 405 902
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia		5 673 407 600	3 116 915 239
LUU CHUYEN TIEN THUAN TU HOAT DONG DAU TU	30	(93 860 690 272)	(696 411 427 602)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH			352 646 188 000
+ Thu tiền do phát hành cổ phiếu	31		352 646 188 000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8 396 185 413	38 200 000 000
+ Nhận tiền đi vay dài hạn		8 396 185 413	38 200 000 000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(8 396 185 413)	
+ Chi tiền trả nợ gốc vay dài hạn		(8 396 185 413)	
LUU CHUYEN TIEN THUAN TU HD TAI CHINH	40		390 846 188 000
LUU CHUYEN TIEN THUAN TRONG KY (20+30+40)	50	2 530 791 558	(27 075 861 321)
TIEN VA TUONG DUONG TIEN TON DAU KY	60	11 183 069 825	64 523 635 105
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	33 271	(676 060)
TIEN VA TUONG DUONG TIEN TON CUOI KY (50+60+61)	70	13 713 894 654	37 447 097 724

Người lập bảng

Trương Thị Kim Phụng

Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyên



Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc

Nguyễn Quốc Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

I . Đặt điểm hoạt động doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh 17/05/2016.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.186.840.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.186.840.000.000 đồng; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, lữ hành ...

3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiêng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Giữ rừng.

4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các điểm kinh doanh sau:

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh</u>
Công viên Văn hóa Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khách sạn Phú Thọ	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Khách sạn Ngọc Lan	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Trung tâm chăm sóc sức khỏe và giải trí Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe
Nhà hàng Thủy Tạ Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ ăn uống
Nhà hàng 79 - Đặc sản thiên nhiên Vàm Sát Cần Giờ	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ ăn uống
Trung tâm dịch vụ du lịch Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch

Thông tin về công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

II . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV . Các chính sách kế toán áp dụng

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cô tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

Theo khoản 2, điều 6 của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 01 năm đến dưới 02 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 02 năm đến dưới 03 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 06	năm
- Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	05	năm
- Phần mềm quản lý	03-05	năm

6 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 10 năm theo quy định của Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về sử dụng dịch vụ phòng massage, vé trọn gói, doanh thu bảo vệ rừng

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi ngân hàng và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

14 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ trước và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do Các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.310.442.500	3.009.982.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.402.420.154	3.962.618.625
Tiền đang chuyển	1.032.000	10.469.200
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	4.200.000.000
	13.713.894.654	11.183.069.825

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Ngắn hạn	469.095.000.000	779.060.993.605
- Dài hạn	438.670.000.000	
	907.765.000.000	779.060.993.605

b Chứng khoán kinh doanh

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
	0	42.347.095.125
	0	42.347.095.125

Số lượng cổ phiếu

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

	30/09/2017	01/01/2017
	0	4.712.800
	0	4.712.800

c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen

	30/09/2017	01/01/2017
	253.277.125.000	253.277.125.000
	253.277.125.000	253.277.125.000

- Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà

	21.165.892.683	21.165.892.683
	17.002.690.096	17.002.690.096
	4.163.202.587	4.163.202.587
	274.443.017.683	274.443.017.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	33,54%	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	13,67%	13,67%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	402.541.256	64.991.000
- Võ Trung Thiệp	240.000.000	240.000.000
- Công ty Cổ phần truyền thông và Dịch vụ truyền hình TVC	89.275.000	89.275.000
- Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	64.480.000	
- Cty TNHH Truyền Thông VTH	160.451.049	
- Cty TNHH Một Thành viên GA Minh Long Phát	80.530.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Á	90.670.000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	942.283.250	441.366.201
	2.070.230.555	835.632.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Khu mua sắm đệ nhất Phan Khang		-	399.781.364	-
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí OKULELE		-	225.218.599	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Tiền Phong		-	193.783.920	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Phú Việt		-	207.272.727	-
Công ty Cổ phần IPOS Việt Nam	1.014.480.000	-		-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Môi trường Dương Long	215.402.735			
Công ty TNHH Gia Bảo Cát Tường	525.609.000			
Công ty cổ phần HUETRONICS	180.000.000			
Công ty TNHH May thêu giày An Phước	194.589.575			
Công ty cổ phần thương mại xây dựng Bảo vệ môi trường 1122	898.265.451			
Công ty cổ phần xây dựng dân dụng và công nghiệp Mạnh Hưng	717.733.657			
Các khoản trả trước cho người bán khác	328.207.066	-	535.268.981	-
	4.074.287.484	-	1.561.325.591	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

5 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ tức được chia			14.588.762.400	-
Phải thu về lãi tiền gửi	26.271.464.661	-	34.978.980.941	-
Phải thu về BHXH	276.713.600	-	259.536.800	-
Phải thu về BHYT	51.883.800	-	48.728.850	-
Phải thu về BHTN	34.589.200	-	32.442.100	-
Tạm ứng	206.180.000	-		
Ký cược, ký quỹ	127.162.200			
Phải thu thuế TNCN của nhân viên		-	147.793.107	-
Phải thu tiền điện, nước	125.943.280	-	233.180.910	-
Phải thu khác	75.000.000	-	263.000.000	-
	27.168.936.741	-	50.552.425.108	-

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ	990.000.000	-	1.490.000.000	
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	-200.000.000	200.000.000	-200.000.000
Phải thu của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen(*)	10.960.656.948	-6.600.000.000	10.960.656.948	-6.600.000.000
	12.150.656.948	-6.800.000.000	12.650.656.948	-6.800.000.000

* Chi tiết các khoản phải thu liên quan đến Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen như sau

	30/09/2017	01/01/2017
- Cho vay	6.600.000.000	6.600.000.000
- Chi phí lãi vay	1.432.135.066	1.432.135.066
- Các khoản trả hộ cho Công ty Kexim và siêu thị	2.032.385.490	2.032.385.490
- Khoản phải thu liên quan đến nhập vật tư	240.000.000	240.000.000
- Thuế GTGT trả hộ	615.227.301	615.227.301
- Các khoản khác	40.909.091	40.909.091
	10.960.656.948	10.960.656.948

Các khoản phải thu này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

6 NỢ XẤU

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	-	200.000.000	-
Ông Võ Trung Thiệp	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
	7.040.000.000	-	7.040.000.000	-

Các khoản nợ xấu đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và được công ty trích lập dự phòng 100%.

7 HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.747.259.197	2.919.215.119
Hàng hoá	1.100.912.552	1.364.658.975
	2.848.171.749	4.283.874.094

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	975.629.109	1.304.636.989
- Chi phí sửa chữa	65.612.500	67.292.000
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.275.352.775	215.421.154
	3.316.594.384	1.587.350.143
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	15.573.112.099	20.692.112.993
- Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	87.847.358.555	95.485.069.064
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	543.444.402	909.681.516
- Chi phí Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	6.995.003.594	6.995.003.594
- Chi phí trả trước dài hạn khác	524.648.749	832.121.707
	111.483.567.399	124.913.988.874

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014. Giá trị này đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17/11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	CỘNG
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	252.423.926.944	141.027.594.936	28.206.061.039	1.181.647.324	1.906.059.273	424.745.289.516
Số tăng trong kỳ	22.035.205.218	10.210.121.709	34.772.727	41.520.000		33.575.619.654
Mua sắm trong kỳ	7.629.880.000	8.318.711.285		41.520.000	1.254.000.000	17.244.111.285
Xây dựng mới	14.405.325.218	1.891.410.424	34.772.727			16.331.508.369
Số giảm trong kỳ	312.800.000					312.800.000
Số cuối kỳ	274.146.332.162	151.237.716.645	28.240.833.766	1.223.167.324	3.160.059.273	458.008.109.170
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	119.534.627.071	98.966.362.180	16.587.896.533	939.108.914	336.292.687	236.364.287.385
Khấu hao trong kỳ	23.872.543.703	15.782.812.560	2.630.642.144	90.953.532	258.182.604	42.635.134.543
Thanh lý, nhượng bán	104.264.066					104.264.066
Số cuối kỳ	143.302.906.708	114.749.174.740	19.218.538.677	1.030.062.446	594.475.291	278.895.157.862
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	132.889.299.873	42.061.232.756	11.618.164.506	242.538.410	1.569.766.586	188.381.002.131
Số cuối kỳ	130.843.425.454	36.488.541.905	9.022.295.089	193.104.878	2.565.583.982	179.112.951.308

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 68.788.210.315 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.005.887.488	27.524.748.727	29.530.636.215
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.005.887.488	27.524.748.727	29.530.636.215
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.853.761.790	27.524.748.727	29.378.510.517
- Khấu hao trong kỳ	58.833.510	-	58.833.510
Số dư cuối kỳ	1.912.595.300	27.524.748.727	29.437.344.027
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	152.125.698	-	152.125.698
Tại ngày cuối kỳ	93.292.188	-	93.292.188

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.377.976.215 VND

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các hạng mục thuộc Công Viên Đầm Sen	3.659.142.496	8.606.142.282
- Sửa chữa, cải tạo Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát	1.130.638.395	424.958.826
- Sửa chữa, cải tạo Khách sạn Phú Thọ	1.186.142.706	
- Sửa chữa, cải tạo Khách sạn Ngọc Lan		458.865.902
	5.975.923.597	9.489.967.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thương mại Huỳnh Nguyễn Phùng			1.113.957.429	1.113.957.429
Anky International Limited Company			1.685.717.918	1.685.717.918
DNTN Thương mại Dịch vụ Điện tử ánh Sáng Mới	256.605.600	256.605.600		
Công ty TNHH Truyền thông VMIND	262.207.273	262.207.273		
Chi nhánh tại T/p HCM - Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đại An (TP Hà	269.280.000	269.280.000		
Công ty TNHH Sân khấu Nghệ thuật Thái Dương	375.000.000	375.000.000		
CN Tổng Cty điện lực Tp.HCM TNHH - Công ty điện lực Phú Thọ	384.609.149	384.609.149		
Các khoản phải trả người bán khác	5.991.302.067	5.991.302.067	9.145.452.758	9.145.452.758
	7.539.004.089	7.539.004.089	11.945.128.105	11.945.128.105

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	661.961.186	15.836.673.929	15.140.924.477	1.357.710.638
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	151.048.789	1.411.376.827	1.415.350.252	147.075.364
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.704.837.203	14.073.375.260	22.394.170.042	6.384.042.421
Thuế Thu nhập cá nhân	(854.399.664)	697.739.625	170.018.649	-326.678.688
Thuế Tài nguyên	809.920	8.087.360	8.046.400	850.880
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		13.015.856.596	13.015.856.596	0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		14.167.097	14.167.097	
	14.664.257.434	45.057.276.694	52.158.533.513	7.563.000.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền thuê đất	6.648.716.596	
- Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	282.145.106	
	6.930.861.702	0

15 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	206.519.200	193.781.000
- Phải trả tiền đặt cọc	1.452.860.000	1.426.543.500
- Lợi nhuận phải trả cho Tổng Công ty	146.816.064.707	146.816.064.707
- Phải trả lợi nhuận phải trả cho bên hợp tác kinh doanh	282.572.495	265.244.356
- Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ^(*)	29.080.056.313	29.080.056.313
- Phải trả Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng TP. Hồ Chí Minh tiền phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	90.341.823	90.341.823
- Giá trị bảo hành của các hợp đồng xây dựng	1.221.984.037	1.146.514.808
- Phải trả người lao động phí phục vụ	2.973.075.239	3.566.265.704
- Phải trả người lao động tiền khen thưởng, phúc lợi	4.278.192.873	13.461.440.668
- Quỹ Tiền lương, thù lao HĐQT - BKS	377.000.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.980.000	1.515.520.402
	186.818.646.687	197.561.773.281

* Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	27.809.090.884	27.809.090.884
- Doanh thu kinh doanh trung tâm Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
- Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	29.080.056.313	29.080.056.313

Các khoản phải trả này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.178.888.000	1.277.080.000
	<u>1.178.888.000</u>	<u>1.277.080.000</u>

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	317.151.496	507.877.869
	<u>317.151.496</u>	<u>507.877.869</u>

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2017	Tăng	Giảm	30/09/2017
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.186.840.000.000	-	-	1.186.840.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.686.924.280	-	-	69.686.924.280
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.854.098.776	61.535.147.527	485.409.878	65.903.836.425
	<u>1.261.381.023.056</u>	<u>61.535.147.527</u>	<u>485.409.878</u>	<u>1.322.430.760.705</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/09/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - CTCP	49,00	581.551.600.000	49,00	581.551.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	29,06	344.894.250.000	28,98	343.892.770.000
Cổ đông khác	21,94	260.394.150.000	22,02	261.395.630.000
	<u>100,00</u>	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>1.186.840.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	-	-
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>1.186.840.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

d) Cổ phiếu

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.684.000	118.684.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.684.000	118.684.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	118.684.000	118.684.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Doanh thu bán hàng	3.686.468.645
Doanh thu cung cấp dịch vụ	279.569.807.099
	<u>283.256.275.744</u>

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Giá vốn của hàng bán	1.914.510.364
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	226.211.495.132
	<u>228.126.005.496</u>

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.156.169.375
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	44.811.249.393
Lãi cổ phiếu	0
Chiết khấu thanh toán, Chênh lệch tỷ giá	5.862.336
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	<u>51.973.281.104</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Lãi tiền vay	8.932.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.019
Chi phí tài chính khác	77.414.978
	86.360.455

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.658.594
Chi phí nhân công	837.541.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.459.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.726.762
Chi phí khác bằng tiền	8.388.927.414
	9.517.313.701

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.914.545
Chi phí nhân công	7.749.912.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	460.215.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.119.783
Chi phí khác bằng tiền	13.491.258.711
	22.069.420.947

24 THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Tiền điện	930.938.226
Thu nhập khác	264.091.717
	1.195.029.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

25 CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Tiền điện	582.081.190
Chi phí khác	434.882.215
	<u>582.081.190</u>

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.608.522.787
Các khoản điều chỉnh tăng	431.761.111
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.673.407.600)
Thu nhập tính thuế TNDN	70.366.876.298
Thuế suất	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	<u>14.073.375.260</u>

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Lợi nhuận sau thuế	61.535.147.527
Các khoản điều chỉnh	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	61.535.147.527
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	118.684.000
	<u>518</u>

28 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối liên hệ	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
		VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	
- Doanh thu cho thuê mặt bằng		1.342.128.000
- Cổ tức được chia		5.673.407.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2017

28 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

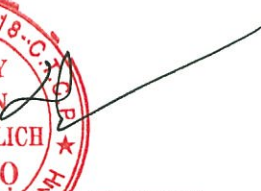
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối liên hệ	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
		VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	5.673.407.600
Phải trả khác		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - CTCP	Cổ đông lớn	146.816.064.707
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	149.640.000

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyên
Kế Toán trưởng




Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám Đốc
TP.HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2017